

Bản án số: **06/2020/HS-PT**
Ngày 06/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**
Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Tuyết Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 185/2019/TLPT-HS ngày 09/12/2019 đối với bị cáo Phạm Phú Minh H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Phú Minh H** (Tên gọi khác: Tý H), sinh ngày 01/11/1984 tại Đắc Lắc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 23, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: Thuê trọ tại tổ 34, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; Số CMND 201527360 do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 17/02/2016; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Phú Dương và bà Nguyễn Thị Út (cả 2 đều còn sống), có vợ là Nguyễn Thị Trang, có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012);

Tiền án: Ngày 18/5/2012 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thử thách 24 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” (chưa thi hành án phí).

Tiền sự: Ngày 15/7/2016 bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng; Ngày 27/10/2017 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”.

Ngày 17/4/2019 bị Công an quận Cẩm Lệ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (*sử dụng ma túy ngày 04/4/2019*)

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 30 phút ngày 04/4/2019 tại phòng 103, nhà cho thuê tại tổ 34, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Đội CSĐTTP về Ma túy Công an quận Cẩm Lệ phối hợp với Công an phường Khuê Trung tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Phạm Phú Minh H đang tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ tại bàn học trong phòng 103: 01 tờ giấy màu trắng gói 01 cục tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu (KT.01); 01 túi da bên trong có 07 gói nilon chứa tinh thể màu trắng, niêm phong ký hiệu KT.02; 01 cuộn băng keo 02 mặt màu xanh, niêm phong ký hiệu KT.03; 01 roi điện có chữ 928-TYPE màu đen và 01 dao bấm màu trắng, niêm phong ký hiệu KT.04;

- Thu giữ tại tay trái của H 01 điện thoại di động Samsung, màu đen, gắn sim số 0924.777.577 và 0932.512.833;

- Tại túi quần phía sau bên trái của H số tiền 7.237.000 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng);

- Thu giữ tại bàn tivi trong phòng 103: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím, gắn sim số 0905.417.641 và 0777.234.143;

- Thu giữ tại phòng 103: 01 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa, đầu nắp đục 02 lỗ gắn ống hút nhựa màu hồng, niêm phong ký hiệu KT.05.

Tại bản kết luận giám định số 105/GĐ-MT ngày 10/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong các mẫu KT.01, KT.02 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamin, khối lượng mẫu KT.01 là 0,627 gam, mẫu KT.02 là 1,695 gam.

Quá trình điều tra xác định được H đã nhiều lần bán ma túy cho người khác, cụ thể như sau:

- Bán ma túy cho Trà Văn T 03 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 3/2019, T sử dụng điện thoại liên lạc đến số điện thoại 0924.777.577 của H (tức Tý H) hỏi mua 300.000 đồng ma túy, H đồng ý bán ma túy cho T. H hẹn địa điểm giao nhận ma túy tại cây xăng V Xuân, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, khi đến điểm hẹn T gặp 1 thanh niên không rõ lai lịch, nói là người của H, T đưa cho người này 300.000 đồng, người này chỉ chỗ dán 01 gói ma túy trên biển báo giao thông gần đó để T tự đến lấy.

+ Lần 2: Khoảng giữa tháng 3/2019, T liên lạc đến số điện thoại 0924.777.577 của H hỏi mua 300.000 đồng ma túy, H đồng ý và hẹn T đến trước phòng ở của H là nhà trọ cho thuê tại tổ 34, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng để giao ma túy. Khi T đến điểm hẹn thì gặp một thanh niên lạ mặt, không xác định được lai lịch đến gặp T lấy 300.000 đồng và chỉ 01 gói ma túy dán trên tường để T tự đến lấy.

+ Lần 3: Đầu tháng 4/2019, T liên lạc đến số điện thoại 0924.777.577 của H hỏi mua 300.000 đồng ma túy, H hẹn T đến trước cổng trường Trung học phổ thông Hòa Vang để giao ma túy. Khi đến điểm hẹn T gặp H ngồi cùng một nam thanh niên, không xác định lai lịch, nam thanh niên đến gặp T lấy 300.000 đồng và chỉ gói ma túy dán trên tường để T tự đến lấy.

- Bán cho Lê Tấn D: Ngày 24/3/2019 D cùng với Minh bạn quen biết ngoài xã hội với D góp mỗi người 150.000 đồng để ma túy. D sử dụng điện thoại gọi đến số điện thoại 0924.777.577 của H hỏi mua ma túy với giá 300.000 đồng, H đồng ý hẹn địa điểm giao dịch tại ngã tư Cẩm Lệ. D đến điểm hẹn gặp H, H giao cho D 01 gói ma túy đá, D đưa cho H 300.000 đồng, sau đó D mang ma túy về sử dụng với Minh.

- Bán cho Lê Văn V: Khoảng tháng 3/2019, Lê Văn V sử dụng điện thoại của mình gọi đến số 0924.777.577 của H hỏi mua ma túy của H 02 lần, mỗi lần 300.000 đồng ma túy. H đồng ý và hẹn địa điểm giao dịch tại phía sau trường Trần Quý Cáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Khi V đến điểm hẹn thì H đi bộ một mình đến gặp V lấy tiền mua ma túy và giao ma túy cho V.

- Bán cho Huỳnh Bá L: Khoảng tháng 4/2019 L sử dụng điện thoại số 0901.250.308 liên lạc đến số điện thoại 0924.777.577 của H rủ H đến nơi ở của L tại 28, Lỗ Giáng 17, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng để ăn nhậu. Trong lúc nhậu L có nhu cầu sử dụng ma túy, L hỏi mua ma túy của H với giá tiền 300.000 đồng. H đồng ý bán cho L, H giao cho L 01 gói ma túy, L giao cho H 300.000 đồng, sau đó L lấy ma túy sử dụng chung cùng với H.

Với nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm 58/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Phú Minh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm c, Khoản 1 Điều 249; Điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Phú Minh H 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm b, khoản 2 Điều 251; Điểm h, khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Phú Minh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo Phạm Phú Minh H phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 04/4/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 03/11/2019, bị cáo Phạm Phú Minh H có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử phạt 08 năm 6 tháng tù là quá nặng, xin xét xử theo trình tự phúc thẩm để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Phú Minh H thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo: bị cáo xác định số chất ma túy bị thu giữ khi bị bắt quả tang ngày 04/04/2019 là của bị cáo tàng trữ nhằm mục đích để mua bán; bị cáo cũng thừa nhận các lần mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng như Trà Văn T, Lê Tấn D, Lê Văn V và Huỳnh Bá L như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng; lý do bị cáo thay đổi lời khai là do quá trình điều tra khi bị bắt do hoảng sợ và thấy vợ con khóc; qua phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” cho bị cáo, bị cáo thừa nhận tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như bản án sơ thẩm đã kết luận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

+ Về nội dung kháng cáo: Đối với số chất ma túy thu giữ được của bị cáo khi bắt quả tang, xuyên suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đều khai và khẳng định mua từ một người tên Sang, cất giữ để sử dụng dần không nhằm mục đích mua bán nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt bị cáo 1 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai cho rằng số chất ma túy này tàng trữ nhằm mục đích để mua bán là không có căn cứ; lý do bị cáo thay đổi lời khai là do hoảng sợ và thấy vợ con khóc cũng không có căn cứ pháp luật; việc bị cáo tàng trữ số chất ma túy để sử dụng là xuất phát từ chính lời khai của bị cáo trong suốt quá trình điều tra, các hoạt động tố tụng điều tra thu thập chứng cứ và kiểm sát điều tra ở giai đoạn cấp sơ thẩm đều đúng với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; bản thân bị cáo cũng thừa nhận không bị ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình; quá trình xét xử sơ thẩm không có ý kiến khiếu nại gì về hoạt động tố tụng nên không có căn cứ chấp nhận việc thay đổi lời khai này của bị cáo. Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo thừa nhận toàn bộ các hành vi mua bán đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã kết luận và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có

căn cứ, đúng pháp luật; mức án mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên cho mỗi tội là không nặng; bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 13 giờ ngày 04/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tiến hành kiểm tra phòng thuê trọ của Phạm Phú Minh H tại tổ 34, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang H có hành vi tàng trữ trái phép 2,322 gam ma túy loại Methamphetamine. Xuyên suốt quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo H đều khai nhận và khẳng định nguồn gốc số ma túy này là do H mua của đối tượng tên Sang (không rõ lai lịch) về để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích mua bán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng thừa nhận tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với hành vi này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng số chất ma túy bị thu giữ là của bị cáo tàng trữ để bán khi có yêu cầu; lý do thay đổi lời khai bị cáo cho rằng do khi bị bắt bị hoảng loạn do thấy vợ con khóc lóc, qua phiên tòa sơ thẩm bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội nên xin thay đổi lời khai. Hội đồng xét xử nhận thấy: lý do thay đổi lời khai của bị cáo trình bày là không có căn cứ pháp luật, các tài liệu chứng cứ điều tra đều được thu thập hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; bị cáo đều thừa nhận không bị ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình; trước khi ban hành cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã tiến hành phúc cung bị cáo vẫn giữ nguyên toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng khai nhận số ma túy bị thu giữ là tàng trữ để sử dụng dần chứ không nhằm mục đích mua bán. Căn cứ mục 3.1 Điều 3 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thì: *Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy, thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh này.* Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định hành vi này của bị cáo là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật Hình sự, như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng.

[2]. Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến đầu tháng 4/2019, Phạm Phú Minh H đã nhiều lần mua ma túy của đối tượng tên Sang (không rõ lai lịch) bán lại cho các đối tượng nghiện khác, cụ thể: Bán cho Trà Văn T 03 lần, mỗi lần 01 gói với giá 300.000 đồng/1 gói; bán cho Lê Tấn D 01 gói với giá 300.000 đồng; bán cho Lê Văn V 02 lần, mỗi lần 01 gói với giá 300.000 đồng/1 gói; bán cho Huỳnh Bá L 01 gói với giá 300.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Phú Minh H không thừa nhận tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như kết luận của bản sơ thẩm, khai không quen biết ai tên là Lê Tấn D và Lê Văn V. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo lại thừa nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy như kết luận của bản cáo trạng và kết luận của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ điều tra có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đối tượng nghiện vừa là người liên quan vừa là người làm chứng trong vụ án như: Trà Văn T, Lê Tấn D, Lê Văn V và Huỳnh Bá L và các tài liệu thể hiện lịch sử cuộc gọi giữa số điện thoại số 0924.777.577 của bị cáo H với các số điện thoại của D 0901.975.703 và số điện thoại của V 0935.532.311; lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng thừa nhận: H quen biết T ngoài xã hội, T đã 03 lần hỏi mua ma túy của H, trong đó 02 lần H đưa số điện thoại của Sang cho T liên lạc mua ma túy, 01 lần H nhận 300.000 đồng từ T rồi liên lạc mua ma túy của Sang giao cho T rồi cùng sử dụng chung. Đối với L: Khoảng 03 ngày trước khi bị bắt, H có đến nhà L nH và sau đó có nhận 300.000 đồng từ L mua ma túy của Sang rồi cùng L sử dụng chung tại nhà L; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai (BL 62, 63, 64, 68, 70, 74) bị cáo H cũng thừa nhận *“Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2019 đến tháng 4/2019 có nhiều bạn bè ngoài xã hội như Trà Văn T, Huỳnh Bá L, Beo, Danh .. nhiều lần liên lạc đến số điện thoại 0924.777.577 của tôi nhờ tôi mua ma túy từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng về sử dụng, những lần như vậy tôi sử dụng điện thoại 0924.777.577 gọi đến số điện thoại của Sang 08999927498 của Sang để mua ma túy và Sang là người mang ma túy đến giao cho tôi, tôi lấy tiền của bạn nhờ mua ma túy giao cho Sang rồi giao lại ma túy cho người nhờ mua ...”*;

Căn cứ hướng dẫn tại mục 2.2 Điều 2 phần I và mục 3.3 Điều 3 phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thì:

+ Tình tiết “phạm tội nhiều lần” hay “phạm tội từ 02 lần trở lên” được hiểu là đã có từ 2 lần phạm tội trở lên như: 2 lần mua trái phép ma túy để bán hay 2 lần bán trái phép ma túy...mà mỗi lần phạm tội đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm...đồng thời các lần phạm tội đó chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Mua bán trái phép chất ma túy được hiểu là: Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc của chất ma túy do đâu mà có), bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc ma túy do đâu mà có); Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán...để lấy chất ma túy nhằm bán trái phép chất ma túy cho người khác; Tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; Vận chuyển trái phép chất ma túy nhằm bán trái phép chất ma túy cho người khác.

Đối chiếu với hành vi nêu trên của bị cáo, lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, đặc biệt là lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án cấp phúc thẩm kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về 2 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 249 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội lần này thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (do chưa nộp án phí đối với bản án bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” năm 2012 của TAND quận Hải Châu); bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không lo tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục đi vào con đường phạm tội; số lượng ma túy bị cáo tàng trữ là tương đối lớn 2,322 gam ma túy loại Methamphetamine, trong khi điều luật quy định chỉ cần 0,1 gam là đã cấu thành tội phạm theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết định khung tăng nặng theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó đối với bị cáo phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là mức án khởi điểm của khung hình phạt và 7 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là mức án chỉ trên mức khởi điểm của khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng. Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, thừa nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép ma túy của mình, nhưng xét các mức án trên là phù hợp, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Phú Minh H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điểm c, Khoản 1 Điều 249; Điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Phú Minh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Phạm Phú Minh H 01 (một) năm tù.

Căn cứ: Điểm b, khoản 2 Điều 251; Điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Phú Minh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Phạm Phú Minh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo **Phạm Phú Minh H** phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 04/4/2019.

2. Về án phí: Bị cáo **Phạm Phú Minh H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Toà án nhân dân quận Thanh Khê;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long